

Bản án số: 312/2017/HNGĐ-ST
Ngày: 07.12.2017
V/v: “Tranh chấp chia tài sản chung
sau khi ly hôn”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ L – TỈNH BÌNH THUẬN

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Huỳnh Thị Vũ Toàn**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Võ Đức Hơn**
2. Ông **Dương Quang Khai**

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông **Nguyễn Công Thịnh** – Cán bộ Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã L: Bà **Lê Thị Nữ** – Kiểm sát viên.

Ngày 07.12.2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã L xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 96/2016/TLST-HNGĐ, ngày 08.4.2016, về: “Tranh chấp chia tài sản chung sau khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 77/2017/QĐXXST-HNGĐ, ngày 17.11.2017, giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Chị **Phan Thị H** – Sinh năm: 1976. (Có mặt)

2. **Bị đơn:** Anh **Phan Thế T** – Sinh năm: 1973. (Có mặt)

Cùng địa chỉ: Khu phố 9, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

3. **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Bà **Lê Thị N**, sinh năm: 1956.
Địa chỉ: Khu phố 9, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. (Có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn ngày 24.3.2016 và lời khai tại Tòa án nhân dân thị xã L, chị Phan Thị H – nguyên đơn trình bày:

Chị và anh T đã ly hôn theo quyết định của Tòa án nhân dân thị xã L số: 22/2011/QĐST-HNGĐ ngày 08.4.2011. Khi ly hôn, về tài sản chung gồm có: 01

căn nhà xây cấp 4, diện tích 82,53 m² tọa lạc tại khu phố 9, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn nhà nằm trên diện tích đất 183,9m², đất đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do anh T và chị H cùng đứng tên đăng ký. Tuy nhiên, trước đó anh T và chị đã chuyển nhượng cho bà Lê Thị N một phần diện tích, đối với căn nhà thì anh T có sửa và xây lại một phần. Nay, chị yêu cầu phân chia tài sản là căn nhà cấp 4 (Nhà trước) có diện tích 69,43 m² và thửa đất có diện tích 140,4m² (Theo biên bản định giá ngày 22/8/2017) tọa lạc tại khu phố 9, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Về giá trị căn nhà và đất: Chị đồng ý theo giá của Hội đồng định giá. Tổng giá trị tài sản là: 207.671.400 đồng.

Nay, giữa chị H và anh T không tự thỏa thuận phân chia được nên chị H yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung: Chị yêu cầu anh T thanh toán lại ½ giá trị căn nhà và đất.

Tại phiên tòa hôm nay, chị H vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Bị đơn: Anh Phan Thế T, trình bày:

Anh thừa nhận anh đã ly hôn với chị H như chị đã trình bày. Về tài sản chung: Anh thừa nhận tài sản chung như chị H trình bày. Tài sản chung vợ chồng gồm: 01 căn nhà cấp 4 (Nhà trước) có diện tích 69,43 m², được xây dựng trên thửa đất có diện tích 140,4 m² tọa lạc tại khu phố 9, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận.

Về giá trị căn nhà và đất: Anh T đồng ý theo giá của Hội đồng định giá ngày 22/8/2017 với tổng giá trị tài sản là: 207.671.400 đồng.

Về nợ chung: Năm 2010, anh và chị H có vay Ngân hàng nông nghiệp phát triển nông thôn chi nhánh thị xã L số tiền 100.000.000 đồng. Nhưng vào ngày 31.5.2011 anh đã vay của em gái anh tên Phan Thị T số tiền 110.000.000 đồng để trả nợ Ngân hàng số tiền là 111.808.333 đồng. Anh T yêu cầu khấu trừ toàn bộ các khoản nợ vào tài sản chung của anh và chị H thì anh đồng ý chia đôi tài sản còn lại. Ngoài ra, còn một số khoản nợ ngoài, anh T yêu cầu giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, anh T vẫn giữ nguyên yêu cầu của mình.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Lê Thị N, trình bày: Vào năm 2007 thì bà có nhận chuyển nhượng của anh T, chị H một phần diện tích đất (Diện tích thì bà không nhớ rõ), hai bên có lập giấy tay nhưng do lâu rồi nên đã thất lạc. Đối với nội dung vụ án thì bà không có ý kiến.

Tại phiên tòa hôm nay, bà N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa tuân theo pháp luật tố tụng; Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng là đúng pháp luật.

Về nội dung:

- Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Phan Thị H về chia tài sản chung.

Chia cho anh Phan Thế T được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 có diện tích 69,43 m² gắn liền diện tích đất 140,4 m² tọa lạc tại khu phố 9, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận có giá trị là 207.671.400 đồng. Anh Phan Thế T phải thanh toán cho chị Phan Thị H ½ giá trị tài sản là căn nhà và đất với số tiền 103.835.700 đồng.

- Về án phí: Chị H và anh T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí định giá: Chị H và anh T phải chịu chi phí định giá theo quy định của pháp luật.

- Về chi phí giám định: Anh T phải chịu chi phí giám định, nên buộc anh T phải hoàn trả chi phí giám định cho chị H.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào sự trình bày, tranh luận của các bên, Hội đồng xét xử nhận định:

Về thẩm quyền: Xét yêu cầu chia tài sản chung sau khi ly hôn, là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã L, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về tài sản chung: Anh T và anh H đều thừa nhận anh chị có tạo lập chung với nhau tài sản gồm: Một căn nhà xây cấp 4 tọa lạc tại khu phố 9, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Căn nhà nằm trên diện tích đất 183,9m², thửa đất số 80, tờ bản đồ số 16, theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 026978 ngày 08.8.2007 do chị Phan Thị H và anh Phan Thế T đứng tên đăng ký. Tuy nhiên, trước đó anh T và chị H đã chuyển nhượng cho bà Lê Thị N một phần diện tích, đối với căn nhà thì anh T có sửa và xây lại một phần. Nay, chị H và anh T thống nhất yêu cầu phân chia tài sản là căn nhà cấp 4 (Nhà trước) có diện tích 69,43 m² và diện tích đất là 140,4m² (Theo biên bản định giá ngày 22/8/2017). Theo biên bản định giá của Hội đồng định giá ngày 22/8/2017, thì tài sản định giá có tổng giá trị tài sản là: 207.671.400 đồng (Hai trăm lẻ bảy triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn bốn trăm đồng) trong đó gồm: Nhà: 137.471.400 đồng; Đất: 70.200.000 đồng.

Chị H có nguyện vọng giao cho anh T sở hữu và sử dụng toàn bộ tài sản chung, anh T có trách nhiệm thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho chị H và anh T cũng đồng ý với điều kiện các khoản nợ đều chia ra. Như vậy, HĐXX chia cho anh T được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 (Nhà trước) có diện tích 69,43 m² và quyền sử dụng thửa đất có diện tích 140,4m² tọa lạc tại khu phố 9, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Tổng cộng giá trị là 207.671.400 đồng (Hai trăm lẻ bảy triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn bốn trăm đồng). Buộc anh T thanh toán lại $\frac{1}{2}$ giá trị tài sản cho chị H là 103.835.700 đồng (Một trăm lẻ ba triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm đồng).

Về nợ chung: Giữa anh chị đều thừa nhận năm 2010, anh và chị có vay Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn, Chi nhánh thị xã L số tiền 100.000.000 đồng. Trong khi đó anh T trình bày: Anh có vay tiền của em anh để trả nợ là 111.808.333 đồng cho Ngân hàng vào ngày 31.5.2011. Chị H lại trình bày là chị có đưa cho anh T 50.000.000 đồng để trả nợ cho Ngân hàng nhưng không được anh T thừa nhận. Hơn nữa, HĐXX xét thấy anh chị đã ly hôn theo Quyết định của Tòa án nhân dân thị xã L số: 22/2011/QĐST-HNGĐ ngày 08.4.2011. Đến ngày 31.5.2011 anh T mới đến Ngân hàng để trả nợ. Bản thân chị H không có chứng cứ gì để chứng minh về số tiền đã đưa cho anh T để trả nợ cho Ngân hàng. Do đó, HĐXX buộc chị H thanh toán lại $\frac{1}{2}$ khoản nợ là 55.904.166 đồng mà anh Th đã trả cho Ngân hàng là phù hợp.

Đối phần đất anh T, chị H đã chuyển nhượng cho bà Lê Thị N có diện tích 43,4 m², mặc dù các bên đã thực hiện giao dịch nhưng không có đăng ký tại cơ quan có thẩm quyền để tách thửa. Quá trình giải quyết vụ án, bà N không có yêu cầu, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với phần nhà sau có diện tích 36,6 m² và ki ốt có diện tích 17,2 m² anh T và chị H không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Đối với các khoản nợ mà anh T, chị H kê khai thì họ không có yêu cầu độc lập, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về chi phí định giá: Quá trình giải quyết vụ án chị Phan Thị H đã tạm ứng số tiền 1.500.000 đồng chi phí định giá tài sản tranh chấp. Chị H, anh T phải chịu chi phí định giá tương ứng với tỉ lệ tài sản được chia theo quy định tại khoản 2 Điều 165 Bộ luật tố tụng dân sự 2015. Chị H đã thanh toán số tiền 1.500.000 đồng cho Hội đồng định giá vào ngày 22.8.2017, anh Phan Thế T phải hoàn trả cho chị H số tiền 750.000 đồng.

Về chi phí giám định: Căn cứ kết quả giám định chữ ký số 423/KLGD-PC54 ngày 30.8.2016 của Phòng kỹ thuật hình sự, Công an tỉnh Bình Thuận kết luận chữ ký và chữ viết mang tên chị Phan Thị H trên tài liệu cần giám định so với chữ ký, chữ viết đứng tên Phan Thị H trên các tài liệu mẫu so sánh mà Tòa án đã gửi giám

định không phải do cùng một người ký và viết ra. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 161 thì anh Phan Thế T phải chịu chi phí giám định. Quá trình giải quyết, chị H đã nộp 6.320.000 đồng chi phí giám định. Vì vậy, Hội đồng xét xử buộc anh Phan Thế T phải hoàn trả cho chị Phan Thị H số tiền 6.320.000 đồng.

Về án phí: Chị Hiệp và anh Thân phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH.12, ngày 27/02/2009 và Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13.6.2012.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1, 2 Điều 21; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1,5 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1 Điều 161, khoản 1 Điều 165, khoản 2 Điều 166, Điều 262, Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 53, 54, khoản 1 Điều 56, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH.12, ngày 27/02/2009;

- Nghị quyết 01/2012/NQ-HĐTP, ngày 13.6.2012.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của của chị Phan Thị Hiệp.

Chia cho anh Phan Thế T được quyền sở hữu căn nhà cấp 4 (Nhà trước) có diện tích 69,43 m² và được quyền sử dụng thửa đất số 80, tờ bản đồ số 16 có diện tích 140,4m² theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AI 026978 ngày 08.8.2007 do chị Phan Thị H và anh Phan Thế T đứng tên đăng ký, tọa lạc tại khu phố 9, phường B, thị xã L, tỉnh Bình Thuận. Đất có vị trí tứ cận như sau: Phía đông giáp đất đã bán cho bà Lê Thị N, phía Tây giáp đất ông Nguyễn Văn T, phía Nam giáp đường hẻm, phía Bắc giáp đường hẻm. Trị giá nhà và đất là 207.671.400 đồng (Hai trăm lẻ bảy triệu sáu trăm bảy mươi một ngàn bốn trăm đồng).

Buộc anh Phan Thế T phải thanh toán cho chị Phan Thị H ½ giá trị tài sản là căn nhà và đất là số tiền 103.835.700 đồng (Một trăm lẻ ba triệu tám trăm ba mươi lăm ngàn bảy trăm đồng).

Buộc chị Phan Thị H phải thanh toán cho anh Phan Thế T ½ số tiền mà anh T đã đứng ra trả cho Ngân hàng Nông nghiệp Phát triển Nông thôn Việt Nam, Chi nhánh thị xã L là 55.904.166 đồng (Năm mươi lăm triệu chín trăm lẻ bốn ngàn một trăm sáu mươi sáu đồng).

Anh Phan Thế T phải liên hệ cơ quan có thẩm quyền để làm thủ tục tách thửa sang tên đối với diện tích đất được chia theo quy định của pháp luật.

2. Về án phí: Chị Phan Thị H và anh Phan Thế T mỗi người phải chịu 5.191.785 đồng án phí dân sự sơ thẩm về chia tài sản. Nhưng chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 3.750.000 đồng, theo biên lai số 0004675 ngày 08.4.2016 tại Chi cục Thi hành án dân sự thị xã L. Chị H còn phải nộp 1.441.785 đồng tiền án phí.

Về chi phí định giá: Chị Phan Thị H và anh Phan Thế T mỗi người phải chịu 750.000 đồng chi phí định giá tài sản, nhưng chị H đã thanh toán cho Hội đồng định giá số tiền 1.500.000 đồng vào ngày 22.8.2017. Anh Phan Thế T phải hoàn trả cho chị Phan Thị H số tiền 750.000 đồng.

Về chi phí giám định: Anh Phan Thế T phải hoàn trả cho chị Phan Thị H số tiền 6.320.000 đồng (Sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn đồng) chi phí giám định.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của bên thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành xong khoản tiền phải thi hành theo thời hạn đã thỏa thuận thì phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015 đối với khoản tiền và thời gian chưa thi hành án.

Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bên đương sự, báo cho anh chị biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án hôm nay (07.12.2017).

Trường hợp Bản án thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã sửa đổi, bổ sung.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Thuận;
- VKSND thị xã L;
- Chi cục THADS thị xã L;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ – án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Huỳnh Thị Vũ Toàn